TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đoàn Văn Lắm;
2. Bà Lê Thị Hồng Nhan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đặng Thị Thu H, sinh năm: 1999;
Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: anh Lữ Thế L, sinh năm: 1993;
Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. tỉnh Bến Tre.
(Chị H có yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 02 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị Thu H trình bày:

Chị Đặng Thị Thu H và anh Lữ Thế L qua quen biết tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Chị H, anh L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi cưới, anh L, chị H sống chung 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không có tiếng nói chung, anh L không lo làm ăn. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chị H đã tìm cách tháo gỡ; gia đình hai bên đã tổ chức hòa giải, khuyên nhủ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ khoảng 01 năm nay chị H, anh L ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai

biết đến ai; cả hai chỉ còn quan tâm đến con chung. Nay, chị H xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về nuôi con chung: anh chị có 01 con chung là Lữ Anh T1, sinh ngày 26/4/2022. Hiện nay, cháu T1 đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung; yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng.

Về chia tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Do chị H bận công việc nên không đến dự các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và không có khiếu nại về sau.

Anh L vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại bản tự khai ngày 04/4/2023, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh L. Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị:

Về thủ tục thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên toà Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Thu H.

Về con chung: chị Đặng Thị Thu H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lữ Anh T1, sinh ngày 26/4/2022. Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 08/02/2032, chị Đặng Thị Thu H khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lữ Thế L. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị H có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt chị H, anh L là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu ly hôn của chị H:*

Chị H, anh L tự nguyện kết hôn vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/9/2019. Chứng cứ này là có cơ sở

nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, anh L, chị H sống chung hạnh phúc được 03 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, anh L không lo làm ăn. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chị H đã tìm cách tháo gỡ; gia đình hai bên cũng đã khuyên nhủ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị H, anh L ly thân khoảng một năm nay. Trong thời gian ly thân, cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai; chỉ quan tâm đến con chung. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Theo chị H, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết đến nay, tình hình của vợ chồng chị không có cải thiện; nguyên nhân mâu thuẫn chưa được tháo gỡ; chị H, anh L vẫn còn ly thân. Đối với anh L, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này có cơ sở khẳng định, anh L không còn tha thiết và không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với chị H nên có căn cứ xác định tình trạng của vợ chồng chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: anh L, chị H có 01 con chung là Lữ Anh T1, sinh ngày 26/4/2022. Hiện nay cháu T1 đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu cho chị được tiếp tục nuôi cháu T1. Đối với yêu cầu này của chị H, anh L vắng mặt nên không có lời trình bày, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Xét thấy, cháu T1 hiện đang sống với chị H đã ổn định. Thời gian cháu T1 sống với chị H, chị H lo cho cháu chu đáo, đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu nên cần giao cháu T1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết chị H có quyền yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung: chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thu H xin ly hôn đối với anh Lữ Thế L;

* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đặng Thị Thu H với anh Lữ Thế L.

* Về nuôi con chung: giao cháu Lữ Anh T1, sinh ngày 26/4/2022 cho chị Đặng Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị Đặng Thị Thu H không yêu cầu anh Lữ Thế L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lữ Thế L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

* Về chia tài sản chung và nợ chung: chị Đặng Thị Thu H trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đặng Thị Thu H không yêu cầu anh Lữ Thế L cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

2. Về án phí: chị Đặng Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002358 ngày 15/02/2032 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung